

SỔ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN TP. HỒ CHÍ MINH	
ĐẾN	Số: 8613
	Giờ: Ngày 19 tháng 3 năm 12

CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM PJICO

(Thành lập tại nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam)

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH
ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN**

Cho năm tài chính kết thúc
ngày 31 tháng 12 năm 2011

CHỨNG THỰC BẢN SAO ĐÚNG VỚI BẢN GỐC	
Ngày: 16-03-2012	
Số chứng thực: 1418	Quyển số:SC



CHỦ TỊCH

Chu Mạnh Cường

MỤC LỤC

<u>NỘI DUNG</u>	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	1
BÁO CÁO KIỂM TOÁN	2
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	3 - 5
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	6
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	7
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	8 - 26

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Bảo hiểm PJICO (gọi tắt là "Công ty") đệ trình báo cáo này cùng với báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc Công ty đã điều hành Công ty trong năm và đến ngày lập báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị

Ông Nguyễn Văn Tiến	Chủ tịch
Ông Nguyễn Anh Dũng	Thành viên
Ông Trần Quốc Hùng	Thành viên
Ông Vũ Bá Ôn	Thành viên
Ông Nguyễn Quốc Bình	Thành viên
Ông Đinh Thái Hương	Thành viên
Ông Đào Nam Hải	Thành viên
Ông Nguyễn Danh Lương	Thành viên
Ông Trần Minh Tuấn	Thành viên

Ban Tổng Giám đốc

Ông Nguyễn Anh Dũng	Tổng Giám đốc
Ông Đào Nam Hải	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn An Hòa	Phó Tổng Giám đốc
Ông Bùi Đức Hùng	Phó Tổng Giám đốc

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính hàng năm phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong việc lập các báo cáo tài chính này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;
- Lập báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính tuân thủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Hệ thống kế toán Việt Nam áp dụng cho các doanh nghiệp bảo hiểm và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính.

Thay mặt và đại diện cho Ban Tổng Giám đốc,



Nguyễn Anh Dũng
Tổng Giám đốc

Ngày 14 tháng 3 năm 2012

BÁO CÁO KIỂM TOÁN

Kính gửi: Các Cổ đông
Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Công ty Cổ phần Bảo hiểm PJICO

Chúng tôi đã kiểm toán bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2011 cùng với báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và thuyết minh báo cáo tài chính kèm theo (gọi chung là "báo cáo tài chính") của Công ty Cổ phần Bảo hiểm PJICO (gọi tắt là "Công ty") từ trang 03 đến trang 26. Các báo cáo tài chính kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc và Kiểm toán viên

Như đã trình bày trong Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc tại trang 01, Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập các báo cáo tài chính. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về các báo cáo tài chính này dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán.

Cơ sở của ý kiến

Chúng tôi đã thực hiện kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các Chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi phải lập kế hoạch và thực hiện công việc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý rằng các báo cáo tài chính không có các sai sót trọng yếu. Công việc kiểm toán bao gồm việc kiểm tra, trên cơ sở chọn mẫu, các bằng chứng xác minh cho các số liệu và các thông tin trình bày trên báo cáo tài chính. Chúng tôi cũng đồng thời tiến hành đánh giá các nguyên tắc kế toán được áp dụng và những ước tính quan trọng của Ban Tổng Giám đốc, cũng như cách trình bày tổng quát của các báo cáo tài chính. Chúng tôi tin tưởng rằng công việc kiểm toán đã cung cấp những cơ sở hợp lý cho ý kiến của chúng tôi.

Ý kiến

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2011 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Hệ thống kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam.

Như trình bày tại Thuyết minh số 4 phần Thuyết minh báo cáo tài chính, Công ty áp dụng việc ghi nhận chênh lệch tỷ giá theo hướng dẫn tại Thông tư số 201/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 15 tháng 10 năm 2009 ("Thông tư 201"). Thông tư 201 quy định việc ghi nhận các khoản chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc niên độ kế toán có sự khác biệt so với Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 10 (VAS10) "Ảnh hưởng của việc thay đổi tỷ giá hối đoái". Ảnh hưởng của việc Công ty áp dụng Thông tư 201 đến báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011 được trình bày tại Thuyết minh số 4.



Trưởng Kiểm toán viên
Phó Tổng Giám đốc
Chứng chỉ Kiểm toán viên số Đ.0029/KTV

Thay mặt và đại diện cho
CÔNG TY TNHH DELOITTE VIỆT NAM

Ngày 14 tháng 3 năm 2012
Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

Hoàng Văn Kiên
Kiểm toán viên
Chứng chỉ Kiểm toán viên số 1130/KTV

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2011

Mẫu số B 01-DNBH
Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2011	31/12/2010
A. TÀI SẢN LƯU ĐỘNG VÀ ĐẦU TƯ NGẮN HẠN (100=110+120+130+140+150)	100		1.521.770.020.210	1.258.338.636.102
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110		398.039.595.738	296.579.693.061
1. Tiền mặt tại quỹ	111		8.990.184.029	10.470.720.010
2. Tiền gửi ngân hàng	112		65.875.633.408	85.645.484.894
3. Tiền đang chuyển	113		823.778.301	119.972.041
4. Các khoản tương đương tiền	114		322.350.000.000	200.343.516.116
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120	5	818.678.615.541	757.839.378.548
1. Đầu tư chứng khoán ngắn hạn	121		83.437.570.000	-
2. Đầu tư ngắn hạn khác	128		767.569.819.441	757.839.378.548
3. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	129		(32.328.773.900)	-
III. Các khoản phải thu	130		242.967.812.775	153.637.118.726
1. Phải thu của khách hàng	131	6	223.122.788.238	113.896.326.575
2. Trả trước cho người bán	132		-	824.589.157
3. Thuế GTGT được khấu trừ	133		3.655.007.517	-
4. Các khoản phải thu khác	138	7	45.881.932.033	47.975.443.403
5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	139	8	(29.691.915.013)	(9.059.240.409)
IV. Hàng tồn kho	140		20.362.012.712	18.300.456.250
1. Hàng tồn kho	141	9	20.362.012.712	18.300.456.250
V. Tài sản lưu động khác	150		41.721.983.444	31.981.989.517
1. Tạm ứng	151		32.968.533.856	23.995.737.306
2. Chi phí trả trước	152		7.612.759.579	7.111.172.202
3. Tài sản thiếu chờ xử lý	153		131.491.975	131.491.975
4. Các khoản thế chấp, ký quỹ	154		1.009.198.034	743.588.034
B. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÀ ĐẦU TƯ DÀI HẠN (200=210+220+230+240+242)	200		471.377.589.564	441.783.543.359
I. Tài sản cố định	210		276.441.124.782	166.844.756.751
1. Tài sản cố định hữu hình	211	10	179.005.137.294	87.171.297.228
- Nguyên giá	212		242.005.714.100	139.638.520.360
- Giá trị hao mòn lũy kế	213		(63.000.576.806)	(52.467.223.132)
2. Tài sản cố định vô hình	217	11	97.435.987.488	79.673.459.523
- Nguyên giá	218		98.525.234.574	80.678.483.489
- Giá trị hao mòn lũy kế	219		(1.089.247.086)	(1.005.023.966)
II. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	220		144.623.730.381	202.642.920.100
1. Đầu tư chứng khoán dài hạn	221	12	123.569.062.181	181.015.947.600
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	222	13	27.294.650.000	25.231.650.000
3. Các khoản đầu tư dài hạn khác	228	14	14.643.690.000	22.843.690.000
4. Dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn	229	12	(20.883.671.800)	(26.448.367.500)
III. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	15	42.810.738.351	62.924.128.095
IV. Các khoản ký quỹ, ký cược dài hạn	240		6.742.971.013	6.889.469.188
1. Ký quỹ bảo hiểm	241		6.742.971.013	6.889.469.188
V. Chi phí trả trước dài hạn	242		759.025.037	2.482.269.225
1. Chi phí trả trước dài hạn	242		759.025.037	2.482.269.225
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (250=100+200)	250		1.993.147.609.774	1.700.122.179.461

Các thuyết minh từ trang 08 đến trang 26 là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2011

MẪU SỐ B 01-DNBH
Đơn vị: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2011	31/12/2010
A. NỢ PHẢI TRẢ (300=310+330+340)	300		1.149.067.091.295	889.055.586.158
I. Nợ ngắn hạn	310		173.107.087.050	102.381.949.733
1. Phải trả người bán	313	16	56.609.464.541	6.474.839.159
2. Người mua trả tiền trước	314		2.147.682.003	4.231.173.427
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	315	17	33.514.786.847	24.874.565.372
4. Phải trả công nhân viên	316		44.901.582.710	34.053.785.158
5. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	318		26.368.465.042	27.406.409.890
6. Quỹ khen thưởng và phúc lợi	323		9.565.105.907	5.341.176.727
II. Dự phòng nghiệp vụ	330	19	973.276.858.222	784.747.229.771
1. Dự phòng phí	331		706.156.953.540	577.972.884.879
2. Dự phòng bồi thường	333		149.518.810.126	133.504.313.876
3. Dự phòng dao động lớn	334		117.601.094.556	73.270.031.016
III. Nợ khác	340		2.683.146.023	1.926.406.654
1. Chi phí phải trả	341		1.877.867.223	1.408.127.854
2. Nhận ký cược, ký quỹ dài hạn	342		805.278.800	518.278.800
B. NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU (400=410)	400	18	844.080.518.479	811.066.593.303
I. Nguồn vốn, quỹ	410		844.080.518.479	811.066.593.303
1. Nguồn vốn kinh doanh	411		699.543.825.000	713.239.130.000
2. Chênh lệch tỷ giá	413		1.032.349.400	1.006.612.990
3. Quỹ đầu tư phát triển	414		24.305.296.252	21.146.406.789
4. Quỹ dự trữ bắt buộc	416		20.832.607.560	15.655.543.730
5. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	418		98.366.440.267	60.018.899.794
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (430=300+400)	430		1.993.147.609.774	1.700.122.179.461

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2011

MẪU SỐ B 01-DNBH
Đơn vị: VND

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Chỉ tiêu	31/12/2011	31/12/2010
1. Hợp đồng bảo hiểm gốc chưa phát sinh trách nhiệm	369.706.147.976	365.502.436.669
2. Hợp đồng nhận tái bảo hiểm chưa phát sinh trách nhiệm		
Phí nhận tái bảo hiểm	89.888.526.837	62.716.359.204
Thu hoàn hoa hồng nhận tái	224.680.463	270.228.532
Thu phí đặt cọc	4.273.211.350	4.245.805.310
Chi bồi thường nhận tái	37.981.781.334	16.424.799.574
Chi hoa hồng nhận tái	22.523.386.481	16.447.407.297
Chi hoàn phí nhận tái	1.042.225.515	1.102.613.912
Thuế nhà thầu hoạt động nhận tái	-	-
Phí nhận tái bị giữ lại (đặt cọc)	3.835.521.515	3.270.953.685
3. Hợp đồng nhượng tái bảo hiểm chưa phát sinh trách nhiệm		
Chi phí nhượng tái	65.879.007.011	117.575.295.332
Chi hoàn hoa hồng nhượng tái	211.714.656	5.386.845.620
Chi hoàn thu bồi thường nhượng tái	173.032.836	705.957.379
Thu hoa hồng nhượng tái	18.533.050.677	37.419.578.662
Thu bồi thường nhượng tái	19.664.328.682	59.723.148.911
Thu hoàn phí nhượng tái	925.837.208	6.533.778.353
Thuế nhà thầu hoạt động nhượng tái	30.417.341	755.555.153



Nguyễn Anh Dũng
Tổng Giám đốc

Ngày 14 tháng 3 năm 2012

Đinh Kiều Trang
Trưởng phòng Tài chính Kế toán

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

MÀU SỐ B 02A-DNBH

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2011	Năm 2010
1. Thu phí bảo hiểm gốc	01		1.887.780.848.780	1.592.062.157.006
2. Thu phí nhận tái bảo hiểm	02		95.005.039.440	82.045.049.899
3. Các khoản giảm trừ	03		518.451.666.081	485.173.227.906
- Phí nhượng tái bảo hiểm	04		504.009.424.795	473.179.625.005
- Hoàn phí nhận tái	05		1.092.882.144	1.637.425.711
- Hoàn hoa hồng nhượng tái	06		3.690.723.499	3.811.905.684
- Hoàn phí bảo hiểm gốc	07		9.638.635.643	6.544.271.506
4. Tăng dự phòng phí	08	19	128.184.068.661	72.188.337.214
5. Thu hoa hồng nhượng tái bảo hiểm	09		141.379.712.686	131.083.925.609
6. Thu khác hoạt động kinh doanh bảo hiểm	10		11.736.269.947	10.749.923.803
- Thu khác nhận tái bảo hiểm	11		33.697.420	22.691.558
- Thu nhượng tái bảo hiểm	12		9.677.172.363	9.962.449.433
- Thu khác (dại lý, giám định...)	13		2.025.400.164	764.782.812
7. Doanh thu thuần hoạt động kinh doanh bảo hiểm (14 = 01 + 02 - 03 - 08 + 09 + 10)	14		1.489.266.136.111	1.258.579.491.197
8. Chi bồi thường bảo hiểm gốc	15		805.513.721.058	667.651.246.474
9. Chi bồi thường nhận tái bảo hiểm	16		35.923.729.072	31.604.679.672
10. Các khoản giảm trừ	17		214.977.879.998	138.230.464.140
- Thu bồi thường nhượng tái bảo hiểm	18		208.072.940.347	134.777.341.656
- Thu đời người thứ ba	19		1.806.164.658	1.229.637.987
- Thu hàng xử lý bồi thường 100%	20		5.098.774.993	2.223.484.497
11. Bồi thường thuộc phần trách nhiệm giữ lại (21 = 15 + 16 - 17)	21		626.459.570.132	561.025.462.006
12. Chi bồi thường từ dự phòng dao động lớn	22		-	85.706.135.451
13. Tăng dự phòng bồi thường	23	19	16.014.496.250	78.134.944.913
14. Số trích dự phòng dao động lớn trong năm	24	19	44.331.063.540	36.081.250.023
15. Chi khác hoạt động kinh doanh bảo hiểm	25		212.978.044.759	190.210.065.485
15.1 Chi khác hoạt động kinh doanh bảo hiểm gốc	26		191.993.295.744	171.871.252.852
- Chi hoa hồng bảo hiểm gốc	27		160.083.808.296	134.129.706.764
- Chi giám định tổn thất	28		21.100.384.135	16.832.847.740
- Chi đời người thứ ba	29		1.196.860.001	1.154.551.985
- Chi xử lý hàng bồi thường 100%	30		-	19.992.645
- Chi đánh giá rủi ro đối tượng bảo hiểm	31		-	121.395.682
- Chi đề phòng hạn chế tổn thất	32		8.844.519.794	18.206.444.607
- Chi khác	33		767.723.518	1.386.313.429
15.2 Chi khác hoạt động kinh doanh nhận tái bảo hiểm	34		20.984.749.015	18.338.812.633
- Chi hoa hồng	35		20.984.749.015	18.331.473.020
- Chi khác	36		-	7.339.613
16. Tổng chi trực tiếp hoạt động kinh doanh bảo hiểm (41 = 21 + 23 + 24 + 25)	41		899.783.174.681	779.745.586.976
17. Lợi nhuận gộp hoạt động kinh doanh bảo hiểm	42		589.482.961.430	478.833.904.221
18. Chi phí bán hàng	43		268.460.326.008	212.979.227.720
19. Chi phí quản lý doanh nghiệp	44		308.128.388.191	259.574.182.943
20. Lợi nhuận thuần hoạt động kinh doanh bảo hiểm	45		12.894.247.231	6.280.493.558
21. Doanh thu hoạt động tài chính	46	20	176.625.027.665	91.704.135.320
22. Chi phí hoạt động tài chính	47	21	55.187.516.732	16.264.571.386
23. Lợi nhuận hoạt động tài chính	51		121.437.510.933	75.439.563.934
24. Thu nhập hoạt động khác	52		66.716.392.470	70.377.000.149
25. Chi phí hoạt động khác	53		66.023.128.635	69.755.540.100
26. Lợi nhuận hoạt động khác	54	23	693.263.835	621.460.049
27. Tổng lợi nhuận kế toán	55		135.025.021.999	82.341.517.541
28. Điều chỉnh (giảm) lợi nhuận chịu thuế	56		(9.090.040.391)	(5.686.604.404)
29. Lợi nhuận chịu thuế thu nhập doanh nghiệp	59		125.934.981.608	76.654.913.137
30. Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp	60	24	31.483.745.402	19.163.728.284
31. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	61		103.541.276.597	63.177.789.257
- Lợi nhuận trên cơ phiếu	70	25	1.491	1.561



Nguyễn Anh Dũng
Tổng Giám đốc

Đinh Kiều Trang
Trưởng phòng Tài chính Kế toán

Ngày 14 tháng 3 năm 2012

Các thuyết minh từ trang 08 đến trang 26 là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
(Theo phương pháp trực tiếp)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Mẫu số B 03-DNBH
Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Năm 2011	Năm 2010
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
1. Tiền thu phí và hoa hồng	01	1.580.905.239.253	1.386.239.236.647
2. Tiền thu từ các khoản nợ phí và hoa hồng	02	286.913.793.281	201.257.606.017
3. Tiền thu từ các khoản thu được giảm chi	03	1.919.547.724	-
4. Tiền thu từ các hoạt động kinh doanh khác	04	884.006.363.106	3.045.714.048.298
5. Trả tiền bồi thường bảo hiểm	05	(675.257.300.029)	-
6. Trả tiền hoa hồng và các khoản nợ khác của kinh doanh bảo	06	(156.614.235.377)	-
7. Trả tiền cho người bán, người cung cấp dịch vụ	07	(91.917.446.884)	(994.154.152.539)
8. Trả tiền cho cán bộ công nhân viên	08	(136.698.154.430)	(110.876.684.682)
9. Trả tiền nộp thuế và các khoản nợ Nhà nước	09	(139.056.584.706)	(114.741.478.147)
10. Trả tiền cho các khoản nợ khác	10	(1.292.886.465.364)	(3.305.990.674.042)
11. Tiền tạm ứng cho cán bộ công nhân viên và ứng trước cho người bán	11	(133.474.362.958)	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	127.840.393.616	107.447.901.552
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
1. Tiền thu từ các khoản đầu tư vào đơn vị khác	21	706.851.854.215	560.782.856.125
2. Tiền thu từ lãi các khoản đầu tư khác	22	135.418.729.126	71.509.032.156
3. Tiền thu do bán tài sản cố định	23	198.683.311	100.928.781
4. Tiền gửi và đầu tư góp vốn trong năm	24	(805.307.708.871)	(967.295.521.340)
5. Tiền mua tài sản cố định	25	(20.051.195.138)	(16.137.380.852)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	17.110.362.643	(351.040.085.130)
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
1. Tiền thu do các chủ sở hữu góp vốn	32	-	334.771.500.000
2. Tiền thu từ lãi tiền gửi	33	1.252.117.645	795.509.191
3. Tiền đã hoàn vốn cho các chủ sở hữu	35	(13.695.305.000)	(8.000.000)
4. Tiền lãi đã trả cho các nhà đầu tư vào doanh nghiệp	36	(31.047.666.227)	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(43.490.853.582)	335.559.009.191
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50	101.459.902.677	91.966.825.613
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	296.579.693.061	204.612.867.448
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	398.039.595.738	296.579.693.061



Nguyễn Anh Dũng
Tổng Giám đốc

Ngày 14 tháng 3 năm 2012

Đinh Kiều Trang
Trưởng phòng Tài chính kế toán

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

MÃU SỐ B 09-DNBH

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT

Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Bảo hiểm PJICO (gọi tắt là "Công ty") là doanh nghiệp cổ phần được thành lập theo Giấy phép số 1873/GP-UB ngày 8 tháng 6 năm 1995 do Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội cấp với thời gian hoạt động là 25 năm bắt đầu từ năm 1995. Vốn điều lệ của Công ty là 53 tỷ đồng. Công ty được cấp Giấy chứng nhận đủ tiêu chuẩn và điều kiện hoạt động kinh doanh bảo hiểm số 06/TC/GCN ngày 27 tháng 5 năm 1995 của Bộ trưởng Bộ Tài chính. Ngày 15 tháng 4 năm 2004, Công ty đã được Bộ Tài chính cấp Giấy phép điều chỉnh số 06/GPĐC12/KDBH cho phép Công ty bổ sung vốn điều lệ là 70 tỷ đồng.

Ngày 21 tháng 12 năm 2006, Công ty được Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp giấy phép sửa đổi Giấy chứng nhận Đăng ký Kinh doanh công ty cổ phần số 060256 cho phép Công ty bổ sung vốn điều lệ là 140 tỷ đồng.

Ngày 07 tháng 04 năm 2008, Công ty được Bộ Tài chính cấp Giấy phép điều chỉnh số 06/GPĐC22/KDBH chấp thuận vốn điều lệ của Công ty là 335.099.010.000 đồng.

Ngày 29 tháng 12 năm 2010, Công ty được Bộ Tài chính cấp Giấy phép điều chỉnh số 06/GPĐC23/KDBH chấp thuận vốn điều lệ của Công ty là 709.742.180.000 đồng.

Ngày 26 tháng 10 năm 2011, Công ty được Bộ Tài chính cấp Giấy phép thành lập và hoạt động số 67/GP/KDBH đổi tên Công ty là Công ty Cổ phần Bảo hiểm PJICO.

Số vốn thực góp của cổ đông của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2011 như sau:

	Theo Giấy phép hoạt động		Số vốn thực góp đến ngày 31/12/2011 (VND)
	Vốn góp (VND)	Tỷ lệ (%)	
Tổng Công ty Xăng dầu Việt Nam	363.283.200.000	51,2%	363.283.200.000
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam	71.232.000.000	10,0%	71.232.000.000
Tổng Công ty Thép Việt Nam	42.739.200.000	6,0%	42.739.200.000
Tổng Công ty CP Tái bảo hiểm Quốc gia Việt Nam	62.373.280.000	8,8%	62.373.280.000
Công ty Vật tư và Thiết bị toàn bộ	21.369.600.000	3,0%	21.369.600.000
Công ty Điện tử Hà Nội	7.089.240.000	1,0%	7.089.240.000
Cổ đông khác	141.655.660.000	20,0%	141.655.660.000
Cộng	709.742.180.000	100%	709.742.180.000
Cổ phiếu quỹ	(13.695.305.000)		(13.695.305.000)
Tổng cộng	696.046.875.000		696.046.875.000

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2011 là 1.480 (31 tháng 12 năm 2010: 1.380).

Công ty có Văn phòng chính tại tầng 21, tòa nhà Mipec, số 229 Tây Sơn (Hà Nội), Hội sở giao dịch tại Hà Nội và 51 chi nhánh.

Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

Hoạt động chính của Công ty là kinh doanh dịch vụ bảo hiểm phi nhân thọ, các nghiệp vụ về tái bảo hiểm và đầu tư tài chính.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DNBH

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ NĂM TÀI CHÍNH

Cơ sở lập báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Hệ thống kế toán Việt Nam áp dụng cho các doanh nghiệp bảo hiểm và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam.

Các chi nhánh của Công ty thực hiện hạch toán phụ thuộc. Báo cáo tài chính của toàn Công ty được lập trên cơ sở cộng hợp các báo cáo tài chính của các Chi nhánh và báo cáo tài chính của Văn phòng Công ty sau khi bù trừ công nợ nội bộ.

Kỳ kế toán

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

3. ÁP DỤNG HƯỚNG DẪN KẾ TOÁN MỚI

Ngày 06 tháng 11 năm 2009, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 210/2009/TT-BTC ("Thông tư 210") hướng dẫn áp dụng Chuẩn mực Báo cáo tài chính Quốc tế về trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với các công cụ tài chính. Việc áp dụng Thông tư 210 yêu cầu trình bày các thông tin cũng như ảnh hưởng của việc trình bày này đối với một số các công cụ tài chính nhất định trong báo cáo tài chính của doanh nghiệp. Thông tư này có hiệu lực cho năm tài chính kết thúc vào hoặc sau ngày 31 tháng 12 năm 2011. Công ty đã áp dụng Thông tư 210 và trình bày các thuyết minh bổ sung về việc áp dụng này trong báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011 tại Thuyết minh số 28.

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính:

Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính tuân thủ theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Hệ thống kế toán Việt Nam áp dụng cho các doanh nghiệp bảo hiểm và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó.

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác, các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn, dài hạn và tài sản tài chính khác.

Công nợ tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc trừ đi các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó.

Công nợ tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán, phải trả khác, chi phí phải trả và công nợ tài chính khác.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DNBH

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)

Công cụ tài chính (Tiếp theo)

Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

Dự phòng phải thu khó đòi

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên, hoặc các khoản thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự. Ban Giám đốc Công ty tin tưởng rằng các khoản phải thu đã được xem xét trích lập dự phòng đầy đủ và phù hợp với hoạt động kinh doanh của Công ty.

Tại thời điểm 31 tháng 12 năm 2011, Công ty trích lập dự phòng nợ quá hạn đối với các khoản đầu tư cho vay quá hạn theo hướng dẫn tại Quyết định số 493/2005/QĐ-NHNN ngày 22 tháng 4 năm 2005 của Ngân hàng Nhà nước.

Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị khấu hao lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

	Năm 2011 (Số năm)
Nhà cửa, vật kiến trúc	20
Phương tiện vận tải	6 - 7
Thiết bị văn phòng và TSCĐ hữu hình khác	3

Tài sản cố định vô hình và khấu hao

Tài sản cố định vô hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị khấu hao lũy kế, thể hiện giá trị quyền sử dụng đất và phần mềm máy tính. Trong đó, quyền sử dụng đất có thời hạn được phân bổ theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian sử dụng lô đất, quyền sử dụng đất vô thời hạn được trình bày theo nguyên giá, không trích khấu hao hàng năm.

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm chi phí dịch vụ và chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Các khoản đầu tư

Các khoản đầu tư bao gồm tiền gửi ngân hàng (ngắn hạn và dài hạn), các khoản góp vốn cổ phần, cho vay được ghi nhận theo phương pháp giá gốc gồm giá mua cộng chi phí liên quan như: phí mua bán, phí liên lạc, thuế và phí ngân hàng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MÃU SỐ B 09-DNBH

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)

Các khoản đầu tư (Tiếp theo)

Các khoản đầu tư chứng khoán được ghi nhận bắt đầu từ ngày mua khoản đầu tư chứng khoán và được xác định giá trị ban đầu theo nguyên giá và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư chứng khoán. Tại các kỳ kế toán tiếp theo, các khoản đầu tư chứng khoán được xác định theo nguyên giá trừ các khoản giảm giá đầu tư chứng khoán.

Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán được trích lập theo các quy định về kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng cho các khoản đầu tư chứng khoán tự do trao đổi có giá trị ghi sổ cao hơn giá thị trường tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Chi phí trả trước dài hạn

Chi phí trả trước dài hạn bao gồm tiền thuê nhà tại Văn phòng Công ty, thuê nhà tại các chi nhánh và các chi phí trả trước dài hạn khác.

Ngoại tệ

Công ty áp dụng xử lý chênh lệch tỷ giá theo hướng dẫn của Thông tư số 201/2009/TT-BTC của Bộ Tài chính ban hành ngày 15 tháng 10 năm 2009. Theo đó, các nghiệp vụ phát sinh bằng các loại ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Chênh lệch tỷ giá phát sinh từ các nghiệp vụ này được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Số dư các tài sản bằng tiền và công nợ phải thu, phải trả có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc niên độ kế toán được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày này và được xử lý như sau:

- Chênh lệch tỷ giá phát sinh từ việc đánh giá lại các khoản tiền, phải thu và phải trả ngắn hạn có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc niên độ kế toán được ghi nhận trên khoản mục chênh lệch tỷ giá hối đoái thuộc mục nguồn vốn, quỹ trên bảng cân đối kế toán.
- Chênh lệch tỷ giá phát sinh từ việc đánh giá lại các khoản phải thu và phải trả dài hạn được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh trong năm.

Hướng dẫn của Thông tư số 201/2009/TT-BTC như trên có khác biệt so với quy định của Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 10 (VAS10) "Ảnh hưởng của việc thay đổi tỷ giá hối đoái". Theo VAS10, tất cả chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc niên độ kế toán được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh. Ban Tổng Giám đốc Công ty quyết định áp dụng ghi nhận chênh lệch tỷ giá theo hướng dẫn tại Thông tư số 201/2009/TT-BTC và tin tưởng việc áp dụng đó cùng với việc đồng thời công bố đầy đủ thông tin về sự khác biệt trong trường hợp áp dụng theo hướng dẫn theo VAS10 sẽ cung cấp đầy đủ hơn các thông tin cho người sử dụng báo cáo tài chính. Theo đó, nếu áp dụng ghi nhận chênh lệch tỷ giá theo Thông tư số 201/2009/TT-BTC làm lợi nhuận trước thuế của Tổng Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011 giảm 25.736.410 đồng (năm 2010 tăng 13.672.682 đồng) và khoản mục "Chênh lệch tỷ giá hối đoái" được phản ánh trong mục vốn chủ sở hữu trên bảng cân đối kế toán của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2011 sẽ tăng 1.032.349.400 đồng (ngày 31 tháng 12 năm 2010: tăng 1.006.612.990 đồng) so với áp dụng theo VAS10.

Ghi nhận doanh thu

Doanh thu bảo hiểm gốc được ghi nhận trên cơ sở phát hành hoá đơn giá trị gia tăng. Hoá đơn giá trị gia tăng được phát hành khi đơn bảo hiểm có hiệu lực và đã thu được tiền, hoặc đã đến hạn thanh toán mà Công ty chưa thu được tiền nhưng đánh giá rằng có thể thu được phí bảo hiểm. Các đơn bảo hiểm Công ty cho khách hàng nợ phí nhưng sau đó khách hàng không nộp phí theo đúng thoả thuận được xem là chưa phát sinh trách nhiệm bảo hiểm và Công ty chưa ghi nhận doanh thu đối với các đơn bảo hiểm này.

Doanh thu nghiệp vụ nhận tái bảo hiểm được ghi nhận theo số phát sinh dựa trên bảng thông báo tái bảo hiểm của các nhà nhượng tái bảo hiểm xác nhận và gửi cho Công ty.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DNBH

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)

Ghi nhận doanh thu (Tiếp theo)

Công ty ghi nhận hoa hồng nhượng tái bảo hiểm trên cơ sở bản xác nhận thanh toán giữa Công ty với các nhà nhận tái bảo hiểm. Đối với những phần chưa có đối chiếu xác nhận với nhà nhận tái bảo hiểm, Công ty thực hiện ước tính hoa hồng nhượng tái trên cơ sở hợp đồng, tỷ lệ hoa hồng nhượng tái và ghi nhận trong năm 2011. Ban Tổng Giám đốc Công ty đánh giá một cách thận trọng và tin tưởng rằng việc thực hiện ghi nhận hoa hồng nhượng tái này là phù hợp với thực tế hoạt động kinh doanh bảo hiểm.

Doanh thu từ các hoạt động khác của Công ty như cho thuê nhà, lãi tiền gửi ngân hàng, cổ phiếu, trái phiếu, cho vay được ghi nhận khi phát sinh.

Chi phí

Chi phí bồi thường bảo hiểm gốc được ghi nhận trên cơ sở phát sinh khi Công ty chấp thuận bồi thường theo thông báo bồi thường. Các khoản chi bồi thường nhận tái bảo hiểm được ghi nhận khi phát sinh, trên cơ sở bảng thông báo tái của các nhà tái bảo hiểm gửi cho Công ty và Công ty chấp thuận bồi thường. Các khoản thu bồi thường nhượng tái bảo hiểm được ghi nhận trên cơ sở phát sinh theo số phải thu tương ứng với chi phí bồi thường đã ghi nhận trong năm và tỷ lệ nhượng tái.

Chi phí hoa hồng bảo hiểm gốc được ghi nhận trên cơ sở thực thu được của doanh thu theo quy định của Bộ Tài chính với các khoản doanh thu phát sinh được khai thác qua đại lý bảo hiểm. Các chi phí khác được ghi nhận khi phát sinh.

Dựa trên Thông tư số 156/2007/TT-BTC ngày 20 tháng 12 năm 2007 của Bộ Tài chính về "Hướng dẫn thực hiện Nghị định số 46/2007/NĐ-CP ngày 27 tháng 3 năm 2007 của Chính phủ quy định chế độ tài chính doanh nghiệp bảo hiểm và doanh nghiệp môi giới bảo hiểm", Công ty ghi nhận chi phí nhượng tái bảo hiểm trên cơ sở bản xác nhận thanh toán giữa Công ty với các nhà nhận tái bảo hiểm. Đối với những phần chưa có đối chiếu xác nhận với nhà nhận tái bảo hiểm, Công ty thực hiện ước tính phí nhượng tái trên cơ sở hợp đồng, tỷ lệ nhượng tái và ghi nhận trong năm 2011. Ban Tổng Giám đốc Công ty đánh giá một cách thận trọng và tin tưởng rằng việc thực hiện ghi nhận chi phí nhượng tái này là phù hợp với thực tế hoạt động kinh doanh bảo hiểm hiện nay và không ảnh hưởng trọng yếu đối với kết quả kinh doanh năm 2011 của Công ty.

Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm tài chính. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chỉ tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính và được ghi nhận theo phương pháp bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời. Trong năm, do không có các khoản chênh lệch tạm thời trọng yếu nào nên Công ty không phản ánh khoản thuế hoãn lại nào trên báo cáo tài chính được kiểm toán này.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DNBH

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)

Thuế (Tiếp theo).

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

Dự phòng nghiệp vụ

Việc trích lập các quỹ dự phòng nghiệp vụ của Công ty trong năm 2011 được thực hiện như sau:

Dự phòng phí chưa được hưởng: Được tính bằng 25% phí giữ lại trong năm đối với các loại hình bảo hiểm vận chuyển hàng hoá và bằng 50% đối với các loại hình bảo hiểm khác.

Dự phòng bồi thường: Được Công ty thực hiện trích lập theo phương pháp từng hồ sơ đối với các tổn thất thuộc phạm vi bảo hiểm khách hàng đã khiếu nại nhưng chưa giải quyết. Mức trích lập dựa trên ước tính tổn thất phát sinh và phân trách nhiệm giữ lại của Công ty.

Đối với các tổn thất đã phát sinh thuộc trách nhiệm bảo hiểm nhưng khách hàng chưa thông báo (IBNR), công ty trích lập dự phòng theo công thức đã được Bộ Tài Chính chấp thuận tại Công văn số 1394/BTC-QLBH ngày 6/2/2009 như sau:

Dự phòng bồi thường cho tổn thất đã phát sinh nhưng chưa thông báo hoặc chưa yêu cầu bồi thường cho năm tài chính hiện tại (IBNR năm hiện tại)	$\frac{\text{Số tiền bồi thường cho tổn thất đã phát sinh nhưng chưa thông báo hoặc chưa yêu cầu bồi thường cho năm tài chính trước}}{\text{Số tiền bồi thường phát sinh của năm tài chính trước}}$	X	$\frac{\text{Số tiền bồi thường phát sinh của năm tài chính hiện tại}}{\text{Số tiền bồi thường phát sinh của năm tài chính hiện tại}}$	X	$\frac{\text{Doanh thu thuần hoạt động kinh doanh bảo hiểm của năm tài chính hiện tại}}{\text{Doanh thu thuần hoạt động kinh doanh bảo hiểm của năm tài chính trước}}$
--	---	---	---	---	--

Dự phòng dao động lớn: Mức trích dự phòng dao động lớn được áp dụng thống nhất đối với các loại hình nghiệp vụ là 3% phí giữ lại và được trích cho đến khi bằng 100% phí giữ lại.

Ngày 28/12/2005, Bộ Tài chính ban hành Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 19 "Hợp đồng Bảo hiểm" kèm theo Quyết định số 100/2005/QĐ-BTC áp dụng từ năm 2006. Theo quy định của Chuẩn mực này, tại thời điểm lập báo cáo tài chính, doanh nghiệp bảo hiểm không được trích lập các loại dự phòng để bồi thường trong tương lai nếu các yêu cầu đòi bồi thường phát sinh từ các hợp đồng này không tồn tại tại thời điểm khoá sổ lập báo cáo tài chính, trong đó bao gồm cả dự phòng dao động lớn. Tuy nhiên, theo Nghị định số 46/2007/NĐ-CP do Chính phủ ban hành ngày 27 tháng 3 năm 2007 và Thông tư số 156/2007/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 20 tháng 12 năm 2007, các doanh nghiệp bảo hiểm vẫn phải trích lập dự phòng dao động lớn.

Ký quỹ bảo hiểm

Công ty đã ký quỹ 2% trên vốn kinh doanh hoặc tối thiểu là 06 tỷ đồng theo quy định tại Nghị định số 46/2007/NĐ-CP ngày 27 tháng 3 năm 2007 của Chính phủ quy định chế độ tài chính đối với doanh nghiệp bảo hiểm.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MÃ SỐ B 09-DNBH

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

5. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH NGẮN HẠN

	31/12/2011 VND	31/12/2010 VND
Tiền gửi ngắn hạn tại các tổ chức tín dụng (i)	709.829.594.044	668.099.153.151
Cho vay ngắn hạn (ii)	57.740.225.397	89.740.225.397
Đầu tư chứng khoán ngắn hạn	83.437.570.000	-
Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	(32.328.773.900)	-
	<u>818.678.615.541</u>	<u>757.839.378.548</u>

(i) Là khoản tiền gửi có kỳ hạn tại các tổ chức tín dụng đáo hạn trong vòng 12 tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính và hưởng lãi suất tiền gửi từ 10,5%/năm đến 19%/năm.

(ii) Là các khoản tiền cho vay ngắn hạn với lãi suất trung bình 1%/tháng.

6. PHẢI THU CỦA KHÁCH HÀNG

	31/12/2011 VND	31/12/2010 VND
Phải thu hoạt động bảo hiểm gốc	89.175.192.857	73.873.413.817
Phải thu về hoạt động nhận tái bảo hiểm	4.490.932.045	9.778.999.951
Phải thu về hoạt động nhượng tái bảo hiểm	65.625.725.373	1.485.216.617
Phải thu hoạt động tài chính	63.830.937.963	28.758.696.190
	<u>223.122.788.238</u>	<u>113.896.326.575</u>

7. CÁC KHOẢN PHẢI THU KHÁC

	31/12/2011 VND	31/12/2010 VND
Phải thu về tạm ứng bồi thường	34.104.126.929	36.084.571.884
Phải thu khác (i)	11.777.805.104	11.890.871.519
	<u>45.881.932.033</u>	<u>47.975.443.403</u>

(i) Trong đó có khoản Công ty đã tiến hành bồi thường cho Hồ sơ số 02/SGO/HHA/1120/0052 từ năm 2005 với số tiền là 3,8 tỷ đồng. Ngày 03 tháng 6 năm 2008, Tòa án Nhân dân thành phố Hà Nội đã tuyên bản án phúc thẩm số 393/2008/HSPT, quyết định chuyển trả Công ty số tiền 2,25 tỷ đồng do Cục cảnh sát điều tra - Bộ Công an thu hồi từ các đương sự. Tính đến thời điểm 31 tháng 12 năm 2011 Công ty đã thu hồi được số tiền 2,35 tỷ đồng nêu trên.

8. DỰ PHÒNG CÁC KHOẢN PHẢI THU KHÓ ĐÒI

	31/12/2011 VND	31/12/2010 VND
Dự phòng phải thu phí bảo hiểm gốc	11.865.142.666	5.741.787.506
Dự phòng phải thu cho vay quá hạn (i)	17.826.772.347	3.317.452.903
	<u>29.691.915.013</u>	<u>9.059.240.409</u>

(i) Đối với các khoản đầu tư cho vay quá hạn: Công ty đã trích lập theo hướng dẫn tại Quyết định số 493/2005/QĐ-NHNN ngày 22 tháng 4 năm 2005 của Ngân hàng Nhà nước.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MÃ SỐ B 09-DNBH

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

9. HÀNG TỒN KHO

Hàng tồn kho tại thời điểm cuối năm chủ yếu là giá trị của vật phẩm khuyến mại phát sinh trong năm chưa được sử dụng tồn trong kho và tồn tại các đại lý chưa được sử dụng để khuyến mại cho khách hàng.

10. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	Phương tiện vận tải VND	Thiết bị văn phòng VND	TSCĐ khác VND	Tổng VND
NGUYÊN GIÁ					
Tại ngày 01/01/2011	67.301.707.556	50.887.019.720	20.973.918.884	475.874.200	139.638.520.360
Tăng trong năm	73.872.378.591	19.019.847.627	13.939.248.166	-	106.831.474.384
Giảm trong năm	(35.561.400)	(3.267.070.070)	(1.161.649.174)	-	(4.464.280.644)
Tại ngày 31/12/2011	141.138.524.747	66.639.797.277	33.751.517.876	475.874.200	242.005.714.100
GIÁ TRỊ HAO MÒN LUY KẾ					
Tại ngày 01/01/2011	11.224.217.919	24.965.588.057	16.024.785.539	252.631.617	52.467.223.132
Khấu hao trong năm	3.798.259.867	6.738.708.670	2.554.153.315	97.355.340	13.188.477.192
Giảm trong năm	-	(1.489.542.418)	(1.165.581.100)	-	(2.655.123.518)
Tại ngày 31/12/2011	15.022.477.786	30.214.754.309	17.413.357.754	349.986.957	63.000.576.806
GIÁ TRỊ CÒN LẠI					
Tại ngày 31/12/2011	126.116.046.961	36.425.042.968	16.338.160.122	125.887.243	179.005.137.294
Tại ngày 31/12/2010	56.077.489.637	25.921.431.663	4.949.133.345	223.242.583	87.171.297.228

11. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

	Quyền sử dụng đất có kỳ hạn VND	Quyền sử dụng đất không kỳ hạn VND	Phần mềm máy vi tính VND	Tổng VND
NGUYÊN GIÁ				
Tại ngày 01/01/2011	10.261.953.455	70.304.250.034	112.280.000	80.678.483.489
Tăng trong năm	4.920.345.080	12.926.406.005	-	17.846.751.085
Tại ngày 31/12/2011	15.182.298.535	83.230.656.039	112.280.000	98.525.234.574
GIÁ TRỊ HAO MÒN LUY KẾ				
Tại ngày 01/01/2011	897.214.632	-	107.809.334	1.005.023.966
Trích khấu hao trong năm	79.752.454	-	4.470.666	84.223.120
Tại ngày 31/12/2011	976.967.086	-	112.280.000	1.089.247.086
GIÁ TRỊ CÒN LẠI				
Tại ngày 31/12/2011	14.205.331.449	83.230.656.039	-	97.435.987.488
Tại ngày 31/12/2010	9.364.738.823	70.304.250.034	4.470.666	79.673.459.523

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MÃU SỐ B 09-DNBH

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

12. ĐẦU TƯ CHỨNG KHOÁN DÀI HẠN

	31/12/2011 VND	31/12/2010 VND
Đầu tư cổ phiếu	63.578.337.600	125.511.947.600
Đầu tư trái phiếu	59.990.724.581	55.504.000.000
Cộng	<u>123.569.062.181</u>	<u>181.015.947.600</u>
Dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn	(20.883.671.800)	(26.448.367.500)
Giá trị thuần khoản đầu tư chứng khoán dài hạn	<u>102.685.390.381</u>	<u>154.567.580.100</u>

13. ĐẦU TƯ VÀO CÔNG TY LIÊN DOANH, LIÊN KẾT

	Tỷ lệ	31/12/2011 VND	31/12/2010 VND
Công ty Liên doanh TNHH Kho xăng dầu Ngoại quan Vân Phong	5%	27.294.650.000	25.231.650.000
		<u>27.294.650.000</u>	<u>25.231.650.000</u>

Căn cứ theo Hợp đồng liên doanh ngày 25 tháng 02 năm 2005 giữa Tổng Công ty Xăng dầu Việt Nam, Công ty TNHH PB Tankers và Công ty Cổ phần Bảo hiểm PJICO về việc hợp tác liên doanh góp vốn vào Công ty Liên doanh TNHH Kho xăng dầu Ngoại quan Vân Phong.

Tỷ lệ góp vốn của Công ty trong vốn điều lệ của Công ty Liên doanh TNHH Kho xăng dầu Ngoại quan Vân Phong là 4.500.000 USD tương đương với 15%. Số vốn thực góp của Công ty đến ngày 31 tháng 12 năm 2009 là 78.820.650.000 đồng (tương đương 4.500.000 USD) chiếm 15% vốn điều lệ. Trong năm 2010, Công ty đã chuyển nhượng 10% vốn điều lệ của mình tại Công ty Liên doanh TNHH Kho xăng dầu Ngoại quan Vân Phong cho Công ty Cổ phần Hóa dầu Quân đội tương ứng với số tiền 3.000.000 USD (tương đương 53.589.000.000 đồng) theo giá gốc và không phát sinh lãi/lỗ từ việc chuyển nhượng vốn. Trong năm 2011, Công ty góp vốn bổ sung vào Công ty Liên doanh TNHH Kho xăng dầu Ngoại quan Vân Phong với số tiền là 2.063.000.000 đồng. Kho xăng dầu ngoại quan Vân Phong đang trong quá trình đầu tư và Công ty chưa được cung cấp số liệu Báo cáo tài chính năm 2011. Tuy nhiên, Ban Tổng Giám đốc Công ty đánh giá rằng phần lỗ (nếu có) Công ty phải gánh chịu theo tỷ lệ vốn góp là không ảnh hưởng trọng yếu đến Báo cáo tài chính của Công ty. Do đó, Ban Tổng Giám đốc Công ty tin tưởng rằng các khoản đầu tư này không bị suy giảm giá trị và không lập dự phòng giảm giá đầu tư.

14. ĐẦU TƯ DÀI HẠN KHÁC

	31/12/2011 VND	31/12/2010 VND
Tiền gửi tại các tổ chức tín dụng trên 12 tháng	10.800.000.000	19.000.000.000
Bất động sản đầu tư (i)	3.843.690.000	3.843.690.000
	<u>14.643.690.000</u>	<u>22.843.690.000</u>

(i) Đây là giá trị quyền sử dụng đất được đầu tư tại Chi nhánh Quảng Bình với mục đích để bán trong tương lai.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MÃU SỐ B 09-DNBH

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

15. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỒ DANG

	31/12/2011 VND	31/12/2010 VND
Văn phòng Công ty	23.617.555.705	37.780.795.127
Chi nhánh Lạng Sơn	7.160.963.942	4.332.957.696
Chi nhánh Vũng Tàu	4.371.797.164	995.460.499
Chi nhánh Vĩnh Phúc	4.111.120.849	1.638.808.363
Chi nhánh Hà Nam	1.500.000.000	-
Chi nhánh Kiên Giang	875.131.455	70.169.338
Chi nhánh Sóc Trăng	746.369.700	57.499.000
Chi nhánh Bình Dương	120.833.810	8.835.706.264
Chi nhánh Thanh Hóa	63.766.635	5.307.721.445
Chi nhánh Bắc Giang	-	2.071.486.351
Chi nhánh Nha Trang	-	672.427.263
Chi nhánh Gia Lai	-	437.904.751
Các chi nhánh khác	243.199.091	723.191.998
	42.810.738.351	62.924.128.095

16. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÀN

	31/12/2011 VND	31/12/2010 VND
Phải trả về hoạt động bảo hiểm gốc	3.508.972.571	3.842.155.489
Phải trả hoạt động nhượng tái bảo hiểm	53.100.491.970	2.632.683.670
	56.609.464.541	6.474.839.159

17. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	31/12/2011 VND	31/12/2010 VND
Thuế GTGT hàng bán nội địa	7.552.816.196	9.648.297.517
Thuế thu nhập doanh nghiệp	22.733.745.402	12.448.728.284
Thuế nhà đất	6.416.460	12.740.460
Thuế thu nhập đại lý	1.934.668.785	1.983.502.118
Thuế thu nhập cá nhân	1.229.093.481	742.366.830
Thuế nhà thầu	-	24.460.718
Thuế môn bài	2.000.000	-
Thuế khác	56.046.523	-14.469.445
	33.514.786.847	24.874.565.372

CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM PJICO

Tầng 21, tòa nhà Mípec, 229 Tây Sơn, quận Đống Đa
Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính
Chó năm tài chính kết thúc
ngày 31 tháng 12 năm 2011

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

MẪU SỐ B 09-DNBH

18. VỐN CHỦ SỞ HỮU

	Nguồn vốn kinh doanh	Chênh lệch tỷ giá	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự trữ bất buộc	Lợi nhuận chưa phân phối	Tổng cộng
Đơn vị: VND						
Tại ngày 01/01/2010	338.322.120.000	1.020.285.672	19.709.572.160	12.496.654.267	42.836.913.259	414.385.545.358
Vốn góp	373.942.420.000	-	-	-	-	373.942.420.000
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	-	63.177.789.257	63.177.789.257
Phân bổ lợi nhuận vào các quỹ	-	-	1.436.834.629	3.158.889.463	(5.783.921.522)	(1.188.197.430)
Cổ phiếu quỹ	974.590.000	-	-	-	-	974.590.000
Chi cổ tức cho cổ đông	-	-	-	-	(40.211.881.200)	(40.211.881.200)
Hoàn nhập chênh lệch tỷ giá 2009	-	(1.020.285.672)	-	-	-	(1.020.285.672)
Chênh lệch tỷ giá 2010	-	1.006.612.990	-	-	-	1.006.612.990
Tại ngày 01/01/2011	713.239.130.000	1.006.612.990	21.146.406.789	15.655.543.730	60.018.899.794	811.066.593.303
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	-	103.541.276.597	103.541.276.597
Phân bổ lợi nhuận vào các quỹ (i)	-	-	3.158.889.463	5.177.063.830	(13.843.671.124)	(5.507.717.831)
Cổ phiếu quỹ	(13.695.305.000)	-	-	-	-	(13.695.305.000)
Chi cổ tức cho cổ đông (ii)	-	-	-	-	(51.350.065.000)	(51.350.065.000)
Hoàn nhập chênh lệch tỷ giá 2010	-	(1.006.612.990)	-	-	-	(1.006.612.990)
Chênh lệch tỷ giá 2011	-	1.032.349.400	-	-	-	1.032.349.400
Tại ngày 31/12/2011	699.543.825.000	1.032.349.400	24.305.296.252	20.832.607.560	98.366.440.267	844.080.518.479

(i) Theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số 02/2011/NQ-DHDCD ngày 27 tháng 4 năm 2011, Công ty thực hiện phân chia các quỹ Quỹ đầu tư phát triển, Quỹ dự trữ bất buộc (đã được phân chia khi lập báo cáo tài chính năm 2010), Quỹ khen thưởng phúc lợi với số tiền tương ứng là 3.158.889.463 đồng, 5.177.063.830 đồng và 5.507.717.831 đồng và chia cổ tức với tỷ lệ 7,235% vốn điều lệ từ lợi nhuận năm 2010 tương đương với 51.350.065.000 đồng. Việc phân phối trong năm 2011 sẽ được trình Đại hội đồng cổ đông thông qua.

(ii) Đến ngày 31 tháng 12 năm 2011, Công ty đã thực hiện chia toàn bộ cổ tức bằng tiền.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DNBH

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

18. VỐN CHỦ SỞ HỮU (Tiếp theo)

	31/12/2011	31/12/2010
- Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	70.974.218	70.974.218
+ Cổ phiếu phổ thông	70.974.218	70.974.218
+ Cổ phiếu ưu đãi	-	-
- Số lượng cổ phiếu quỹ	1.509.760	-
+ Cổ phiếu phổ thông	1.509.760	-
+ Cổ phiếu ưu đãi	-	-
- Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	69.464.458	70.974.218
+ Cổ phiếu phổ thông	69.464.458	70.974.218
+ Cổ phiếu ưu đãi	-	-

Cổ phiếu phổ thông có mệnh giá 10.000 đồng/cổ phiếu.

Chi tiết Nguồn vốn kinh doanh như sau:	Số tiền thực góp tại ngày 31/12/2011 VND	Số tiền thực góp tại ngày 31/12/2010 VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	709.742.180.000	709.742.180.000
Thặng dư vốn cổ phần	3.496.950.000	3.496.950.000
Cổ phiếu quỹ	(13.695.305.000)	-
	699.543.825.000	713.239.130.000

19. DỰ PHÒNG NGHIỆP VỤ

	31/12/2010 VND	Tăng trong năm VND	Giảm trong năm VND	31/12/2011 VND
Dự phòng phí	577.972.884.879	128.184.068.661	-	706.156.953.540
Dự phòng bồi thường	133.504.313.876	16.014.496.250	-	149.518.810.126
Dự phòng dao động lớn	73.270.031.016	44.331.063.540	-	117.601.094.556
	784.747.229.771	188.529.628.451	-	973.276.858.222

20. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	2011 VND	2010 VND
Doanh thu hoạt động tài chính ngắn hạn	161.995.776.514	81.565.220.871
Doanh thu đầu tư ngắn hạn cổ phiếu, trái phiếu	7.004.804.452	8.671.000
Doanh thu cho vay ngắn hạn	13.621.763.893	7.613.666.227
Doanh thu tiền gửi ngắn hạn	102.748.475.308	70.641.866.976
Doanh thu hoạt động tài chính ngắn hạn khác	38.620.732.861	3.301.016.668
Doanh thu hoạt động tài chính dài hạn	14.629.251.151	10.138.914.449
Doanh thu đầu tư dài hạn cổ phiếu, trái phiếu	10.632.780.383	7.999.220.200
Doanh thu tiền gửi dài hạn	1.490.168.127	951.182.838
Doanh thu hoạt động tài chính dài hạn khác	2.506.302.641	1.188.511.411
	176.625.027.665	91.704.135.320

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DNBH

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

21. CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	2011	2010
	VND	VND
Chi phí hoạt động tài chính ngắn hạn	30.431.032.385	11.614.531.811
Chi phí đầu tư ngắn hạn cổ phiếu	2.986.005.900	-
Dự phòng đối với khoản cho vay ngắn hạn (i)	14.509.319.444	-
Chi phí khác	12.935.707.041	11.614.531.811
Chi phí hoạt động tài chính dài hạn	24.756.484.347	4.650.039.575
Dự phòng đầu tư cổ phiếu	23.852.232.300	4.161.588.700
Chi phí khác	904.252.047	488.450.875
	55.187.516.732	16.264.571.386

(i) Đây là chi phí trích lập dự phòng cho khoản tiền gửi tại Công ty TNHH Cho thuê tài chính II - Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn.

22. CHI PHÍ KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	2011	2010
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	9.192.498.481	7.343.937.938
Chi phí nhân công	149.821.634.721	127.442.193.315
Chi phí khấu hao tài sản cố định	13.272.700.312	9.420.050.809
Chi phí dịch vụ mua ngoài	350.874.308.213	282.887.545.048
Chi phí khác	53.427.572.472	45.459.683.553
	576.588.714.199	472.553.410.663

23. LỢI NHUẬN HOẠT ĐỘNG KHÁC

Lợi nhuận khác bao gồm thu nhập khác và chi phí khác, chủ yếu phản ánh doanh thu và chi phí của Trung tâm Cứu hộ Hải Phòng, là đơn vị được thành lập vào năm 2004, có chức năng cứu hộ, phục hồi, sửa chữa và thay thế thiết bị, phụ tùng xe cơ giới cho các khách hàng có xe bị tai nạn.

24. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

	2011	2010
	VND	VND
Lợi nhuận trước thuế	135.025.021.999	82.341.517.541
Trừ thu nhập không chịu thuế (i)	9.954.340.391	6.170.604.404
Cộng: Các khoản chi phí không được khấu trừ (ii)	864.300.000	484.000.000
Lợi nhuận tính thuế	125.934.981.608	76.654.913.137
Thuế suất thuế TNDN thông thường	25%	25%
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong năm	31.483.745.402	19.163.728.284
Tổng thuế thu nhập phát sinh trong năm	31.483.745.402	19.163.728.284

(i) Thu nhập không chịu thuế được điều chỉnh cho các khoản thu nhập từ lãi cổ tức được chia.

(ii) Các khoản chi phí không được khấu trừ là khoản chi thù lao cho các thành viên Hội đồng Quản trị không trực tiếp tham gia hoạt động điều hành kinh doanh của Công ty.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DNBH

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

25. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

	2011 VND	2010 VND
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	103.541.276.597	63.177.789.257
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp phân bổ cho cổ đồng sở hữu cổ phiếu	103.541.276.597	63.177.789.257
Cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân trong năm	69.464.458	40.463.000
Lãi trên cổ phiếu	1.491	1.561

26. BIÊN KHẢ NĂNG THANH TOÁN

	2011 VND	2010 VND
I. Biên khả năng thanh toán ($I=(1)-(2)-(3)-(4)$)	565.265.782.572	620.572.003.509
1. Chênh lệch giữa giá trị tài sản và các khoản nợ phải trả	844.080.518.479	811.066.593.303
2. Trừ các tài sản được chấp nhận toàn bộ giá trị hạch toán	-	-
3. Trừ các tài sản bị loại trừ toàn bộ giá trị hạch toán	155.793.815.332	113.197.141.590
4. Trừ các tài sản bị loại trừ một phần giá trị hạch toán	123.020.920.575	77.297.448.204
II. Biên khả năng thanh toán tối thiểu [Giá trị lớn hơn giữa (a) và (b)]	369.425.529.500	299.920.975.701
(a) 25% Tổng phí bảo hiểm giữ lại	369.425.529.500	299.920.975.701
(b) 12,5% Tổng phí bảo hiểm gốc và phí nhận tái bảo hiểm	246.504.296.304	209.263.400.863
III. So sánh (I) và (II)		
Theo số tuyệt đối	195.840.253.072	320.651.027.808
Theo tỷ lệ phần trăm	153,01%	206,91%

27. ĐÁNH GIÁ KHÁI QUÁT TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

Chỉ tiêu	Đơn vị tính	2011	2010
1. Bố trí cơ cấu tài sản và cơ cấu nguồn vốn			
1.1 Bố trí cơ cấu tài sản			
- Tài sản cố định và đầu tư dài hạn/Tổng tài sản	%	23,65	25,99
- Tài sản lưu động và đầu tư ngắn hạn/Tổng tài sản	%	76,35	74,01
1.2 Bố trí cơ cấu nguồn vốn			
- Nợ phải trả/Tổng nguồn vốn	%	57,65	52,29
- Nguồn vốn chủ sở hữu/Tổng nguồn vốn	%	42,35	47,71
2. Khả năng thanh toán			
2.1 Khả năng thanh toán hiện hành	lần	1,73	1,91
2.2 Khả năng thanh toán nợ ngắn hạn	lần	8,79	12,29
2.3 Khả năng thanh toán nhanh	lần	7,03	10,30
2.4 Khả năng thanh toán nợ dài hạn	lần		
3. Tỷ suất sinh lời			
3.1 Tỷ suất lợi nhuận trên doanh thu			
- Tỷ suất lợi nhuận trước thuế / Doanh thu	%	7,79	5,80
- Tỷ suất lợi nhuận sau thuế / Doanh thu	%	5,98	4,45
3.2 Tỷ suất lợi nhuận trên tổng tài sản			
- Tỷ suất lợi nhuận trước thuế / Tổng tài sản	%	6,77	4,84
- Tỷ suất lợi nhuận sau thuế / Tổng tài sản	%	5,19	3,72
3.3 Tỷ suất lợi nhuận sau thuế / Nguồn vốn chủ sở hữu	%	12,27	7,79

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DNBH

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

28. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

Quản lý rủi ro vốn

Công ty quản trị nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông thông qua tối ưu hóa số dự nguồn vốn và công nợ.

Cấu trúc vốn của Công ty là phần vốn thuộc sở hữu của các cổ đông (bao gồm vốn góp, các quỹ dự trữ và lợi nhuận sau thuế chưa phân phối).

Các chính sách kế toán chủ yếu

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp mà Công ty áp dụng (bao gồm các tiêu chí để ghi nhận, cơ sở xác định giá trị và cơ sở ghi nhận các khoản thu nhập và chi phí) đối với từng loại tài sản tài chính, công nợ tài chính và công cụ vốn được trình bày tại Thuyết minh số 4.

Các loại công cụ tài chính

	Giá trị ghi sổ	
	31/12/2011	31/12/2010
	VND	VND
Tài sản tài chính		
Tiền và các khoản tương đương tiền	398.039.595.738	296.579.693.061
Phải thu khách hàng và phải thu khác	239.312.805.258	152.812.529.569
Đầu tư ngắn hạn	818.678.615.541	757.839.378.548
Đầu tư dài hạn	144.623.730.381	202.642.920.100
Tài sản tài chính khác	7.752.169.047	7.633.057.222
Tổng cộng	1.608.406.915.965	1.417.507.578.500
Công nợ tài chính		
Phải trả người bán và phải trả khác	80.867.420.025	31.287.986.019
Chi phí phải trả	151.396.677.349	134.912.441.730
Công nợ tài chính khác	805.278.800	518.278.800
Tổng cộng	233.069.376.174	166.718.706.549

Công ty chưa đánh giá giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ tài chính tại ngày kết thúc niên độ kế toán do Thông tư 210 cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính. Thông tư 210 yêu cầu áp dụng Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế về việc trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế.

Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro tỷ giá, rủi ro về giá), rủi ro tín dụng, rủi ro thanh khoản và rủi ro lãi suất của dòng tiền. Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa các rủi ro này do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính này.

Rủi ro thị trường

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về tỷ giá hối đoái và lãi suất. Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa rủi ro này do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MÃU SỐ B 09-DNBH

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo.

28. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Quản lý rủi ro tỷ giá

Công ty thực hiện một số các giao dịch có gốc ngoại tệ, theo đó, Công ty sẽ chịu rủi ro khi có biến động về tỷ giá. Công ty không thực hiện biện pháp đảm bảo do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính này.

Quản lý rủi ro về giá

Công ty chịu rủi ro về giá của công cụ vốn phát sinh từ các khoản đầu tư vào công cụ vốn. Các khoản đầu tư vào công cụ vốn được nắm giữ không phải cho mục đích kinh doanh mà cho mục đích chiến lược lâu dài. Công ty không có ý định bán các khoản đầu tư này.

Quản lý rủi ro về giá hàng hóa

Công ty không chịu các rủi ro liên quan đến sự thay đổi về giá cả của hàng hóa.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng xảy ra khi một khách hàng hoặc đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho Công ty. Công ty có chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi tình hình để đánh giá xem Công ty có chịu rủi ro tín dụng hay không. Công ty không có bất kỳ rủi ro tín dụng trọng yếu nào với các khách hàng hoặc đối tác bởi vì các khoản phải thu đến từ một số lượng lớn khách hàng hoạt động trong nhiều ngành khác nhau và phân bố ở các khu vực địa lý khác nhau.

Rủi ro tín dụng xảy ra khi một khách hàng hoặc đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho Công ty. Công ty có chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi tình hình để đánh giá xem Công ty có chịu rủi ro tín dụng hay không. Tại ngày kết thúc niên độ kế toán, Công ty có khoản rủi ro tín dụng tập trung khá lớn từ khoản phải thu các bên liên quan. Rủi ro tín dụng tối đa được thể hiện là giá trị ghi sổ của số dư phải thu các bên liên quan như trình bày tại Thuyết minh số 29.

Quản lý rủi ro thanh khoản

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tình thanh khoản cũng được Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong kỳ ở mức có thể được kiểm soát đối với số vốn mà Công ty tin rằng có thể tạo ra trong kỳ đó. Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Công ty duy trì đủ mức dự phòng tiền mặt, các khoản vay và đủ vốn mà các chủ sở hữu cam kết góp nhằm đáp ứng các quy định về tình thanh khoản ngắn hạn và dài hạn hơn.

Bảng dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn theo hợp đồng còn lại đối với công nợ tài chính phi phái sinh và thời hạn thanh toán như đã được thỏa thuận. Bảng dưới đây được trình bày dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu của công nợ tài chính tính theo ngày sớm nhất mà Công ty phải trả. Bảng dưới đây trình bày dòng tiền của các khoản gốc và tiền lãi. Dòng tiền lãi đối với lãi suất thả nổi, số tiền chưa chiết khấu được bắt nguồn theo đường cong lãi suất tại cuối kỳ kế toán. Ngày đáo hạn theo hợp đồng được dựa trên ngày sớm nhất mà Công ty phải trả.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DNBH

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

28. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

31/12/2011	Dưới 1 năm VND	Từ 1 - 5 năm VND	Tổng VND
Phải trả người bán và phải trả khác	80.867.420.025	-	80.867.420.025
Chi phí phải trả	151.396.677.349	-	151.396.677.349
Công nợ tài chính khác	-	805.278.800	805.278.800
31/12/2010	Dưới 1 năm VND	Từ 1 - 5 năm VND	Tổng VND
Phải trả người bán và phải trả khác	31.287.986.019	-	31.287.986.019
Chi phí phải trả	134.912.441.730	-	134.912.441.730
Công nợ khác	-	518.278.800	518.278.800

Ban Tổng Giám đốc đánh giá mức tập trung rủi ro thanh khoản ở mức thấp. Ban Tổng Giám đốc tin tưởng rằng Công ty có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn.

Bảng sau đây trình bày chi tiết mức đáo hạn cho tài sản tài chính phi phái sinh. Bảng được lập trên cơ sở mức đáo hạn theo hợp đồng chưa chiết khấu của tài sản tài chính gồm lãi từ các tài sản đó, nếu có. Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phái sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Công ty khi tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.

31/12/2011	Dưới 1 năm VND	Từ 1 - 5 năm VND	Tổng VND
Tiền và các khoản tương đương tiền	398.039.595.738	-	398.039.595.738
Phải thu khách hàng và phải thu khác	239.312.805.258	-	239.312.805.258
Đầu tư ngắn hạn	818.678.615.541	-	818.678.615.541
Đầu tư dài hạn	-	144.623.730.381	144.623.730.381
Tài sản tài chính khác	1.009.198.034	6.742.971.013	7.752.169.047
31/12/2010	Dưới 1 năm VND	Từ 1 - 5 năm VND	Tổng VND
Tiền và các khoản tương đương tiền	296.579.693.061	-	296.579.693.061
Phải thu khách hàng và phải thu khác	152.812.529.569	-	152.812.529.569
Đầu tư ngắn hạn	757.839.378.548	-	757.839.378.548
Đầu tư dài hạn	-	202.642.920.100	202.642.920.100
Tài sản tài chính khác	743.588.034	6.889.469.188	7.633.057.222

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MÃ SỐ B 09-DNBH

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

29. NGHIỆP VỤ VÀ SƠ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Trong năm, Công ty đã có các giao dịch trọng yếu sau với Tổng Công ty Xăng dầu Việt Nam:

	2011	2010
	VND	VND
Doanh thu phí bảo hiểm gốc	174.671.962.833	123.789.747.096
Chi phí bồi thường bảo hiểm gốc	1.728.607.270	3.083.062.316
Chia lãi cổ tức bằng cổ phiếu	-	20.563.200.000
Góp vốn thêm trong năm bằng tiền mặt	-	171.360.000.000
Thu nhập của Ban Tổng Giám đốc	2011	2010
	VND	VND
Lương, thưởng	2.415.084.000	2.313.243.000
<i>Số dư với các bên liên quan:</i>	31/12/2011	31/12/2010
	VND	VND
Phải thu Tổng Công ty Xăng dầu Việt Nam	7.506.057.854	7.058.246.120

30. CÔNG NỢ TIỀM TÀNG

Theo Công văn số 15861/BTC-TCT ngày 26 tháng 12 năm 2008 của liên Bộ Tài chính và Tổng Cục thuế về việc chỉnh sách thuế đối với phí tái bảo hiểm ra nước ngoài, nếu các Công ty bảo hiểm tại Việt Nam thực hiện nghiệp vụ tái bảo hiểm ra nước ngoài đối với các dịch vụ bảo hiểm cho tổ chức, cá nhân tại Việt Nam thì Công ty ở nước ngoài nhận tái bảo hiểm thuộc đối tượng nộp thuế nhà thầu (thuế thu nhập doanh nghiệp) với tỷ lệ là 2% tính trên phí tái bảo hiểm ra nước ngoài theo quy định tại Thông tư số 05/2005/TT-BTC ngày 01 tháng 11 năm 2005. Kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2009, thuế nhà thầu được áp dụng cho hoạt động nhượng tái bảo hiểm ra nước ngoài được điều chỉnh tại Thông tư số 134/2008/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 31 tháng 12 năm 2008 cũng quy định tỷ lệ thuế nhà thầu vẫn là 2% tính trên phí tái bảo hiểm ra nước ngoài.

Tuy nhiên, theo Công văn số 8667/BTC-TCT ngày 06 tháng 7 năm 2010 của Bộ Tài chính, đối với các hợp đồng tái bảo hiểm ký với doanh nghiệp bảo hiểm nước ngoài là đối tượng cư trú của nước hoặc vùng lãnh thổ đã ký kết Hiệp định tránh đánh thuế hai lần với Việt Nam được miễn thuế nhà thầu phát sinh trong các năm từ năm 2005 đến năm 2008 và trong thời hạn hiệu lực của Hiệp định.

Hiện tại, Công ty đã hoàn thiện bộ hồ sơ xin miễn thuế nhà thầu theo hướng dẫn tại Công văn số 8667/BTC-TCT nói trên. Việc xác định số thuế phải nộp từ năm 2008 trở về trước của Công ty (nếu có) sẽ căn cứ vào quyết định cuối cùng của Bộ Tài chính và Tổng Cục thuế.

Đối với thuế nhà thầu phát sinh trên chi phí nhượng tái ra nước ngoài của năm 2009, 2010 và năm 2011, Công ty mới tạm ghi nhận là một khoản phải trả khác do trong số các nhà thầu nước ngoài, đại đa số đều có cơ sở thường trú phát sinh thu nhập tại nước có ký kết hiệp định tránh đánh thuế hai lần với Việt Nam. Các nhà thầu này đang làm thủ tục để được miễn thuế nhà thầu theo quy định tại Thông tư số 60/2007/TT-BTC ngày 14 tháng 6 năm 2007 của Bộ Tài chính hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Quản lý thuế và hướng dẫn thi hành Nghị định số 85/2007/NĐ-CP ngày 25 tháng 5 năm 2007 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Quản lý thuế. Việc xác định số thuế phải nộp của năm 2009, 2010 và năm 2011 của Công ty (nếu có) sẽ căn cứ vào quyết định cuối cùng của Bộ Tài chính và Tổng Cục thuế.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DNBH

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

31. VỤ VIỆC PHÁP LÝ CÓ LIÊN QUAN

Trong năm 2005, cơ quan cảnh sát điều tra đã tiến hành khởi tố điều tra vụ việc Công ty Cổ phần Bảo hiểm PJICO đã thanh toán chi trả bồi thường bảo hiểm cho Việt Thái Phong với giá trị 3,8 tỷ đồng có dấu hiệu trục lợi bảo hiểm. Ngày 03/6/2008, Tòa án Nhân dân thành phố Hà Nội đã tuyên bản án phúc thẩm số 393/2008/HSPT, quyết định chuyển trả Công ty số tiền 2,25 tỷ đồng do Cục cảnh sát điều tra - Bộ Công an thu hồi từ các đương sự. Đến thời điểm 31 tháng 12 năm 2011, Công ty đã thu hồi số tiền 2,35 tỷ đồng từ việc thi hành án.

Ngày 13 tháng 4 năm 2009, Công ty đã nhận được Thông báo số 256/TB-TLVA của Tòa án Nhân dân thành phố Hà Nội về việc thụ lý vụ án Công ty Xăng dầu Hàng không Việt Nam yêu cầu đòi bồi thường thiệt hại và chi phí khắc phục hậu quả vụ tổn thất Kho Xăng dầu Hàng không Liên Chiểu ngày 16 tháng 10 năm 2008 với tổng số tiền đòi bồi thường là 25,626 tỷ đồng. Ngày 13 tháng 12 năm 2010, Công ty Cổ phần Bảo hiểm PJICO đã có đơn kháng cáo gửi Tòa phúc thẩm Tòa án Nhân dân tối cao thành phố Hà Nội. Theo Bản án số 151/2011/KDTM-PT ngày 19/8/2011 của Tòa phúc thẩm Tòa án Nhân dân tối cao Thành phố Hà Nội, Tòa phúc thẩm quyết định hủy toàn bộ bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm, chuyển hồ sơ vụ án cho Tòa án Nhân dân thành phố Hà Nội giải quyết lại theo quy định của pháp luật.

Ngày 28 tháng 3 năm 2011, Viện Kiểm sát Nhân dân tối cao có Quyết định số 06/QĐ/KNGDT-V12 kháng nghị bản án kinh doanh thương mại phúc thẩm số 179/2010/KDTM-PT ngày 15/11/2010 của Tòa Phúc thẩm Tòa án Nhân dân Tối cao tại Hà Nội về vụ án Công ty Cổ phần DABACO Việt Nam kiện Công ty Cổ phần Bảo hiểm PJICO - Chi nhánh Hải Phòng. Đến thời điểm này, vụ án vẫn đang được giải quyết và chưa có quyết định cuối cùng của Tòa án Nhân dân tối cao tại Hà Nội.

32. SƠ LIỆU SO SÁNH

Là số liệu trên báo cáo tài chính của Công ty đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010.



Nguyễn Anh Dũng
Tổng Giám đốc

Ngày 14 tháng 3 năm 2012

Đinh Kiều Trang
Trưởng phòng Tài chính kế toán